|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |
| Họ và tên học sinh: ………........……..................…………….  Lớp: ……  **Đề 1**  **I. Read and match.**   |  |  | | --- | --- | | 1. Where are you from? | A. I'm in class 4A. | | 2. What class are you in? | B. She can dance. | | 3. What's the date today? | C. I am from Vietnam. | | 4. What can she do? | D. It is 29th of October. |   **II. Choose the right sentence.**  1. A. Is they dancing?  B. Are they dancing?  2. A. My birthday is on the third of July.  B. My birthday is in the third of July.  3. A. Where do you have English?  B. When do you have English?  4. A. I watched cartoon yesterday.  B. I watches cartoon yesterday.  **III. Read and answer the questions.**  I am Lisa. And this is my sister, Jennie. Her birthday is on the fourth of December. She likes singing. Her favorite subject is Science. She can skate, but she can't ride a bike.  1. What is Lisa's sister name?  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  2. What does she like doing?  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  3. What is her favorite subject?  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  4. What she can't do?  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  **ĐÁP ÁN**  **I. Read and match.**  1 - C; 2 - A; 3 - D; 4 - B;  **II. Choose the right sentence.**  1 - B; 2 - A; 3 - B; 4 - A;  **III. Read and answer the questions.**  1 - She is Jennie.  2 - She likes singing.  3 - It is Science.  4 - She can't ride a bike.  **Nội dung đề thi tiếng Anh lớp 4 học kỳ 1 năm 2020 - đề 2**   1. **LISTENING**   **Question 1: Listen and tick (**  **)**   1. MC900060312[1]What can you do?   A. IMG_3096 B.   1. When’s your birthday, Nga?   MC900434619[1]MP900384786[1]   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. |  | B. |  |  1. Where is she from?  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | https://encrypted-tbn3.gstatic.com/images?q=tbn:ANd9GcQwhSSS9D7sBEIzKf_Jbwxhz3buFnA_BJDK1pNeV9raVLT2OHtATQ  A. |  | B. https://encrypted-tbn0.gstatic.com/images?q=tbn:ANd9GcQpzc1bDAaaHsi7b2DR11muBU130UlCek8h7opGudwuKo0pj8o6 |  |  1. What class are you in?   4C  A. B.  **Question 2: Listen and write the missing words (1pt)**   1. Good morning, class. What day is it today, Mai?   It’s…………………………..   1. What lesson do you have today?   I have got Maths, Art, Science and ………………………  **PART 2: READING AND WRITING**  **Questions 3: Look and read. Put the tick (**  **) or cross ( X ) in the box**  MM900236492[1]1.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | She can skip |  |   MC900332830[1]2.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | He is dancing |  |   MC900438153[2]3.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | He can swim |  |   MM900356720[1]4   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | I like cooking |  |   **Question 4: Look and read. Write YES or NO.**  Alex is a pupil at Sunflower Primary School. It is a big school in London. His school is in Sutton Street. There are many classrooms. They are beautiful. There is a library, a music room and a computer room. He loves his school.   1. His name is Alex ……………………………………. 2. His school is small ……………………………………. 3. His school is in Ha Noi ……………………………………. 4. He loves his school …………………………………….   **Question 5: Look at the pictures and write the words:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | MP900262685[1] | | 1. rfidne | ………………. | | | IMG_3107 | 1. elihgsn | | | ………………. | | MP900399510[1] | 1. thdirayb | | | ………………. |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | 5+3= | 1. gheit | ………………. |   **Question 6: Complete the passage:**   |  | | --- | | **Happy, England, friend, music club** |   This is my new……………. Her name is Linda. She is from ………………. She can sing many Vietnamese songs. In her free time, she goes to………………………… She is …………………there.  **Question 7: Reaarrange the words to compete the sentences**  1/milk? / you / Do / some / want    2/ new / This / book ./ is / my    3/ out? / I / go / May    4/ an / This / is / eraser.   Đáp án đề thi tiếng Anh lớp 4 giữa học kỳ 1 ****1: Listen and****  1. A; 2. B; 3. B; 4. B;  1. Monday; 2. English  1. yes; 2. No; 3. yes; 4. yes;  1. yes; 2. No; 3. Yes; 4. Yes;  1. friend; 2. English; 3. birthday; 4. eight;  1. friend; 2. England; 3. music club; 4. happy;  1. Do you like some milk?  2. This is my new book.  3. May I go out?  4. This is an eraser. | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

Họ và tên :……..

Lớp :………..

Đề 2

**I. Sắp xếp các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh**

1. Linh/ subjects/ today/ What/ have/ does?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

2. Can/ a / bike/ you/ ride?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

3. letter/ a/ I/ writing/ am/ now.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

4. He/ very/ cooking/ much/ hates.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**II. Chọn từ có phần gạch chân phát âm khác.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. music | B. build | C. cut | D. student |
| 2. A. foot | B. book | C. good | D. moon |
| 3. A. Sunday | B. come | C. home | D. some |
| 4. A. holiday | B. many | C. stay | D. date |

**III. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống**

1. N\_ce t\_ see \_ou again.

2. She is a p\_p\_ \_ in Cau Giau primary.

3. W\_ere a\_ \_ you f\_om? - I am from Ha Noi.

4. T\_ \_ay is W\_dn\_sd\_y.

5. I'm f\_ne, tha\_ \_ you.

6. My br\_ thday is in De\_ \_mber.

**IV. Viết các tháng trong năm theo đúng nghĩa**

MAY DECEMBER JUNE

FEBRUARY OCTOBER APRIL

MARCH JULY SEPTEMBER

JANUARY AUGUST NOVEMBER

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tháng 1 - | Tháng 2 - | Tháng 3 - | Tháng 4 - |
| Tháng 5 - | Tháng 6 - | Tháng 7 - | Tháng 8 - |
| Tháng 9 - | Tháng 10 - | Tháng 11 - | Tháng 12 - |

**ĐÁP ÁN**

**I. Sắp xếp các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh**

1 - What does Linh have subjects today?

2 - Can you ride a bike?

3 - I am writing a letter now.

4 - He hates cooking very much.

**II. Chọn từ có phần gạch chân phát âm khác.**

1 - C; 2 - D; 3 - C; 4 - B;

**III. Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống**

1. N**i**ce t**o** see **y**ou again.

2. She is a p**u**p**il** in Cau Giau primary.

3. W**h**ere a**re** you f**r**om? - I am from Ha Noi.

4. T**od**ay is W**e**dn**e**sd**a**y.

5. I'm f**i**ne, tha**nk** you.

6. My br**i**thday is in De**ce**mber.

**IV. Viết các tháng trong năm theo đúng nghĩa**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tháng 1 - JANUARY | Tháng 2 - FEBRUARY | Tháng 3 - MARCH | Tháng 4 - APRIL |
| Tháng 5 - MAY | Tháng 6 - JUNE | Tháng 7 - JULY | Tháng 8 - AUGUST |
| Tháng 9 - SEPTEMBER | Tháng 10 - OCTOBER | Tháng 11 - NOVEMBER | Tháng 12 - DECEMBER |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

**Đề 3**

**I. Choose the odd one out.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. morning | B. evening | C. afternoon | D. birthday |
| 2. A. Japan | B. American | C. English | D. Vietnamese |
| 3. A. Monday | B. birthday | C. Friday | D. Tuesday |
| 4. A. second | B. third | C. five | D. fifth |
| 5. A. piano | B. badminton | C. football | C. volleyball |

**II. Read and match.**

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Nice to see you again. | a. He is from Canada. |
| 2. Can he play the piano? | b. Next Monday. |
| 3. Where is Peter from? | c. Nice to see you again, too. |
| 4. What day is it today? | d. It is Wednesday. |
| 5. When is your mother's birthday party? | e. No, he can't. |

**III. Read and answer the questions.**

Hi. I am Anna. I am from America. I am American. Today is Wednesday, the seventh of October. It's a school day. I go to school from Monday to Friday. And I do not go to school at the weekend. On Monday afternoon, I go to the English club. I go to school library on Tuesday with my best friends, Linda. On Thursday, I go swimming on Wednesday afternoon. I visit my grandparents on Saturday and Sunday.

1. What is her name?

2. When does she go to school?

3. When does she go swimming?

4. What does she do on Monday afternoon?

5. What does she do on Sunday?

**ĐÁP ÁN**

**I. Choose the odd one out.**

1 - D; 2 - A; 3 - B; 4 - C; 5 - A;

**II. Read and match.**

1 - c; 2 - e; 3 - a; 4 - d; 5 - b;

**III. Read and answer the questions.**

1 - Her name is Anna.

2 - She goes to school from Monday to Friday.

3 - She goes swimming on Wednesday afternoon.

4 - She goes to English club.

5 - She visits her grandparents.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

**Đề 4**

**I. Chọn từ khác loại.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. Science | B. Vietnam | C. English | D. Vietnamese |
| 2. A. Well | B. What | C. Who | D. Why |
| 3. A. map | B. photo | C. poster | D. Australia |
| 4. A. Cook | B. walk | C. Go | D. Does |
| 5. A. today | B. Monday | C. Friday | D. Thursday |

**II. Cho dạng đúng của các động từ sau**

**1.** She cannot (climb) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the wall.

**2.** When (be) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ her birthday?

**3.** I (visit) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ my grandparents yesterday.

**4.** What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ he (do) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ now?

**5.** She (play) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the guitar now.

**III. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời thích hợp ở cột B**

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. What is Mrs. Lan doing?  2. Where are you from?  3. Can your sister cook meal?  4. What is Emma’s nationality?  5. What do they have on Monday? | a, No, she cann't.  b, They have Math and PE.  c, She is English.  d, She is playing the piano.  e, I am from Hanoi, Vietnam. |

**IV. Hoàn thành hội thoại dựa vào các từ cho trước.**

**Do; name; and; sing; meet;**

Anna: Hi. I’m Anna. What’s your (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

Tom: My name is Tom. Nice to meet you.

Anna: Nice to (2)\_\_\_\_\_\_\_you, too.

Tom: What is your nationality?

Anna: I’m English. (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you?

Tom: I’m American. Can you (4) \_\_\_\_\_\_\_ any English songs?

Anna: Yes, I can. I can sing and dance. Do you like playing the piano?

Tom: Yes, I (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. I want to learn to play it.

Anna:  I can teach you.

Tom: That’s great.

**ĐÁP ÁN**

**I. Choose the odd one out.**

1 - B; 2 - A; 3 - D; 4 - D; 5 - A;

**II. Cho dạng đúng của các động từ sau**

1 - climb; 2 - is; 3 - visited; 4 - is he doing; 5 - is playing;

**III. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời thích hợp ở cột B**

1 - d; 2 - e; 3 - a; 4 - c; 5 - b;

**IV. Hoàn thành hội thoại dựa vào các từ cho trước.**

1 - name; 2 - meet; 3 - and; 4 - sing; 5 - do;

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

**Đề 5**

***Exercise 1: Chọn từ khác loại***

QUẢNG CÁO

**1.** A. Math      B. Name     C. English      D. Vietnamese

**2.** A. Where      B. What     C. Why      D. Can

**3.** A. Country      B. Singapore     C. China      D. Australia

**4.** A. Cook B.      Play     C. Go      D. Would

**5.** A. Birthday      B. Monday     C. Friday      D. Thursday

**6.** A. Was      B. Am     C. Is      D. Are

**7.** A. On      B. To     C. Be      D. For

**8.** A. Japanese      B. America     C. Cambodia      D. Malaysia

***Exercise 2: Cho dạng đúng của các động từ sau***

**1.** He can (climb) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the trees.

**2.** When (be) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ your birthday?

**3.** I (stay) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ at home yesterday.

**4.** What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ they (do) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ now?

**5.** They (play) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the piano now.

**6.** Today she (have) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ English and history.

**7.** What day (be) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ it today?

**8.** Tommy and Vicky (be) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ from Korea.

***Exercise 3: Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời thích hợp ở cột B***

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| **1.** What is Mr. Long doing?  **2.** When is his birthday?  **3.** Where are you from?  **4.** Where were you yesterday?  **5.** Can he cook?  **6.** What is Hanna’s nationality?  **7.** What do they have on Wednesday?  **8.** What do you like doing? | **a,** Yes, he can.  **b,** I am from Vietnam.  **c,** I like dancing and singing.  **d,** His birthday is in October.  **e,** She is Japanese.  **f,** I was at home yesterday.  **g,** He is teaching a lesson.  **h,** They have Math and PE. |

***Exercise 4: Hoàn thành hội thoại dựa vào các từ cho trước***

|  |
| --- |
| **do      name      What      an      too** |

Bob:   Hi. I’m Bob. What’s your (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

Clara: My name is Clara. Nice to meet you.

Bob:   Nice to meet you, (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

Clara: What is your nationality?

Bob:   I’m American. (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ about you?

Clara: I’m English. Can you sing (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ English song?

Bob:   Yes, I can. I can sing and dance. Do you like playing the guitar?

Clara: Yes, I (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. I want to learn to play it.

Bob:   I can teach you.

Clara: That’s great.

***Exercise 5: Sắp xếp các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh***

**1.** you/ subjects/ today/ What/ have/ do?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

**2.** Can/ football/ you/ play?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

**3.** email/ an/ I/ writing/ am.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**4.** She/ very/ cooking/ much/ likes.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

### Đáp án & Thang điểm

***Exercise 1:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. B | 2. D | 3. A | 4. D |
| 5. A | 6. A | 7. C | 8. A |

***Exercise 2:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Climb | 2. Is | 3. Stayed | 4. Are-doing |
| 5. Are playing | 6. Has | 7. Is | 8. Are |

***Exercise 3:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 – g | 2 - d | 3 - b | 4 - f |
| 5 – a | 6 - e | 7 - h | 8 – c |

***Exercise 4:***

**1.** name

**2.** too

**3.** What

**4.** an

**5.** do

***Exercise 5:***

**1.** What subjects do you have today?

**2.** Can you play football?

**3.** I am writing an email.

**4.** She likes cooking very much.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

**Đề 6**

***Exercise 1: Chọn từ có cách phát âm khác với các từ còn lại***

**1.** A. pupil                  B. music                     C. sun                        D. student

**2.** A. football               B. book                       C. good                       D. food

**3.** A. Monday              B. come                      C. from                       D. some

**4.** A. skate                  B. can                         C. may                        D. date

***Exercise 2: Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống***

**1.** It’s n\_ce t\_ meet \_ou.

**2.** I’m a p\_p\_ \_.

**3.** W\_ere a\_ \_ you f\_om?

**4.** T\_ \_ay is S\_nd\_y.

**5.** Tha\_ \_ you very   \_uch.

**6.** My b\_ thday is in Fe\_ \_uary.

***Exercise 3: Sắp xếp các câu sau thành đoạn hội thoại hoàn chỉnh***

☐ Hi. It’s nice to see you. I’m from England. But I live in Hanoi now.

☐ Nice to meet you, Tom. Where are you from?

☐ Yes, I am. I love learning Vietnamese.

☐ No, I can’t speak it fluently.

☐ Oh I’m in Hanoi, too. Are you a pupil?

☐ Hey, Anna. This is my friend, Tom.

☐ Wow! Can you speak Vietnamese?

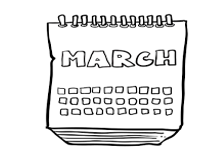
***Exercise 4: Dựa vào tranh và hoàn thành câu***



**1.** He comes from \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.



**2.** I cannot \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.



**3.** My birthday is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ March.



**4.** I go to Quang Trung \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ school.

***Exercise 5: Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh***

**1.** you/ What/ nationality/ are?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**2.** have/ They/ Tuesday/ Math/ on.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**3.** play/ She/ cannot/ baseball.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**4.** it/ day/ What/ today/ is/?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

### Đáp án & Thang điểm

***Exercise 1:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. C | 2. D | 3. C | 4. B |

***Exercise 2:***

**1.** It’s nice to meet you.

**2.** I’m a pupil.

**3.** Where are you from?

**4.** Today is Sunday.

**5.** Thank you very much.

**6.** My birthday is in February.

***Exercise 3:***

**1.** Hey, Anna. This is my friend, Tom.

**2.** Nice to meet you, Tom. Where are you from?

**3.** Hi. It’s nice to see you. I’m from England. But I live in Hanoi now.

**4.** Oh I’m in Hanoi, too. Are you a pupil?

**5.** Yes, I am. I love learning Vietnamese.

**6.** Wow! Can you speak Vietnamese?

**7.** No, I can’t speak it fluently.

***Exercise 4:***

**1.** He comes from **China.**

**2.** I cannot **swim**.

**3.** My Birthday is **in** March.

**4.** I go to Quang Trung **primary** school.

***Exercise 5:***

**1.** What nationality are you?

**2.** They have Math on Tuesday.

**3.** She cannot play baseball.

**4.** What day is it today?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề 7**  ***Exercise 1: Viết các tháng trong năm theo đúng thứ tự***  **MAY               DECEMBER             JUNE**  **FEBRUARY              OCTOBER                APRIL**  **MARCH          JULY              SEPTEMBER**  **JANUARY      AUGUST         NOVEMBER**   |  |  | | --- | --- | | **1.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **7.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | **2.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **8.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | **3.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **9.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | **4.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **10.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | **5.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **11.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | **6.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **12.** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |   ***Exercise 2: Chọn từ khác loại***  **1.** A. ski                     B. skip                       C. school                    D. skate  **2.** A. he                      B. her                       C. you                        D. they  **3.** A. flag                    B. Malaysia                C. Singapore               D. China  **4.** A. nice                    B. name                    C. class                      D. pupil  ***Exercise 3: Gạch chân lỗi sai và sửa lại cho đúng***   |  |  | | --- | --- | | 1. What is your birthday? | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | 2. What is she name? | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | 3. I don’t go to school at Sunday. | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | 4. Tom have an Art class today. | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |   ***Exercise 4: Chọn đáp án đúng***  **1. Where are you from, Tom? \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ from America.**  A. I am                         B. My name  C. You are                    D. Her name  **2. Hello, my \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is Mary.**  A. name                        B. name’s  C. named                       D. names  **3. This \_\_\_\_\_\_ my friend, Linda. She is from England.**  A. is                             B. are  C. was                          D. were  **4. \_\_\_\_\_\_\_\_ is the date today?**  A. Where                      B. What  C. When                       D. How  **5. \_\_\_\_\_\_\_\_\_to meet you, too.**  A. Fine                         B. She  C. They                       D. Nice  **6. Where are you from?**  A. I’m from Malaysia.  C. I’m an Japanese.  B. I from Japan.  D. I Malaysian.  **7. .................. you sing? ................., I can.**  A. Can/ No                    B. Cannot/ Yes  C. Can/ Yes                   D. Can/ Not  **8. My birthday is on the .................. of October.**  A. Thursday                   B. two  C. ten                            D. fifth  ***Exercise 5: Viết 1 đoạn văn ngắn từ 3-5 câu về bản thân em***  **Gợi ý:**  - What’s your name?  - How old are you?  - When is your birthday?  - What subject do you like?  - What can you do?  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Đáp án & Thang điểm ***Exercise 1:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 1. January | 2. February | 3. March | 4. April | | 5. May | 6. June | 7. July | 8. August | | 9. September | 10. October | 11. November | 12. December |   ***Exercise 2:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 1. C | 2. B | 3. A | 4. A |   ***Exercise 3:***  **1.** What ⇒ When  **2.** she ⇒ her  **3.** at ⇒ on  **4.** have ⇒ has  ***Exercise 4:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 1. A | 2. A | 3. A | 4. B | | 5. D | 6. A | 7. C | 8. D |   ***Exercise 5: Đoạn văn gợi ý***  Hi. My name is Ping. I’m 9 years old. My school is Nguyen Trai primary school. I like English and Math. I can sing English song. Nice to meet you. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

**Đề 8**

***Exercise 1: Chọn từ khác loại***

**1.** A. fifth                    B. eight                        C. eleven                      D. one

**2.** A. November            B. Sunday                    C. Friday                      D. Monday

**3.** A. Vietnam              B. country                    C. America                   D. Australia

**4.** A. write                     B. kite                          C. fly                            D. listen

***Exercise 2: Chọn đáp án đúng***

**1.** – What can you do? – I can \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. skip

B. swimming

C. to play badminton

D. cooking

**2.** – What are they doing? – They \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. is writing a dictation

B. are writing a dictation

C. write a dictation

D. to write a dictation

**3.** – What day is it today? – It is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. the seven of June

B. the tenth of August

C. second of December

D. third of March

**4.** – Thank you so much. –\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. Not much.

B. No thanks.

C. Yes, please.

D. You’re welcome.

***Exercise 3: Dùng các từ cho sẵn hoàn thành đoạn hội thoại sau***

|  |
| --- |
| **playing           What             listening           flying** |

A: I have a new kite. Let’s fly it.

B: I’m sorry but I don’t like (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ kites.

A: (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ do you like doing?

B: I like (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to music and (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ football.

What about you?

A: I like playing football, too.

B: Ok. Let’s play.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. | 2. |
| 3. | 4. |

***Exercise 4: Read and write T/ F***

Hello, my name is Akio. I am from Japan. I’m Japanese. I speak Japanese and English. My school is an international school. It is Rose International School. I have got a lot of friends. There are twenty students in my class. They are from different countries. Linda is from England. She is English. Jack and Jill are from the USA. They are American. Meimei is from Malaysia. She is Malaysian. Alex is from Australia. We often play badminton, play hide-and-seek together. It is a lot of fun.

**TRUE or FALSE?**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. She is Akio. |  |
| 2. She is Vietnamese. |  |
| 3. Her school is International School. |  |
| 4. Her class has got twelve students. |  |
| 5. Her friends are from Vietnam. |  |
| 6. Jack is from America. |  |
| 7. Meimei isn’t Japanese. |  |
| 8. Alex is Australian. |  |
| 9. They play games together. |  |
| 10. They are happy. |  |

***Exercise 5: Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh***

**1.** old/ How/ she/is/?

………………………………………………………

**2.** 5 people/ There/ are/ in my/ family/.

……………………………………………………………………………

**3.** you/ play/ Can/ piano/ the/?

……………………………………………………………………………

**4.** is/ My/ Japan/ from/ teacher.

……………………………………………………………………………

### Đáp án & Thang điểm

***Exercise 1:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. A | 3. B | 4. B |

***Exercise 2:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. B | 3. B | 4. D |

***Exercise 3:***

|  |  |
| --- | --- |
| 1. flying | 2. What |
| 3. listening | 4. playing |

***Exercise 4:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. T | 2. F | 3. T | 4. F | 5. F |
| 6. T | 7. T | 8. T | 9. T | 10. T |

***Dịch đoạn văn***

Xin chào, tôi tên là Akio. Tôi đến từ Nhật Bản. Tôi là người Nhật Bản. I nói tiếng Nhật và tiếng Anh. Trường của tôi là trường quốc tế. Nó tên là trường Quốc tế Hoa hồng. Tôi có rất nhiều người bạn. Lớp tôi có 20 học sinh. Họ đến từ nhiều quốc gia khác nhau. Linda đến từ nước Anh. Cô ấy là người Anh. Jack và Jill đến từ nước Mỹ. Họ là người Mỹ. Meimei đến từ Malaysia. Cô ấy là người Malaysia. Alex đến từ nước Úc. Chúng tôi thường xuyên chơi cầu lông, và chơi trốn tìm với nhau. Điều đó thì rất thú vị.

***Exercise 5:***

**1.** How old is she?

**2.** There are 5 people in my family.

**3.** Can you play the piano?

**4.** My teacher is from Japan.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

***Đề 9***

***Exercise 1: Chọn từ khác loại***

**1.** A. Sunday                 B. Birthday                  C. Saturday                   D. Wednesday

**2.** A. school                 B. go                           C. come                       D. have

**3.** A. December            B. October                   C. Australia                 D. March

**4.** A. cook                    B. skip                         C. skate                       D. can

***Exercise 2: Chọn đáp án đúng***

**1.** My father often …………..to work at 7:30.

A. go                            B. gos                           C. goes                         D. going

**2.** We usually ………….. English on Monday.

A. have                        B. has                           C. to have                    D. haves

**3.** He can …………. the piano very well.

A. play                         B. playing                    C. to play                     D. plays

**4.** Lili and Alan …………. homework at 7 o’clock.

A. do                           B. dos                          C. does                        D. to do

**5.** Her friends like ………….. after school.

A. going                      B. having                     C. skating                     D. getting

**6.** Nam …………….TV at 3p.m every day.

A. watch                      B. watchs                     C. watches                   D. watching

***Exercise 3: Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh***

**1.** very/ can/ brother/ high/ My/ jump.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**2.** What/ he/ have/ today/ does/ subject?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

**3.** Math/ When/ have/ we/ do?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

**4.** from/ I/ Monday/ go to/ to/ Friday/ school/ primary.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

***Exercise 4: Gạch chân và sửa lỗi sai trong mỗi câu sau***

|  |  |
| --- | --- |
| 1. He can plays the piano. | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| 2. Where do you from? | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| 3. It are on the fifth of April. | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| 4. Do you have History in Thursday? | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

***Exercise 5: Dịch các câu sau sang tiếng Anh***

**1.** Cô ấy là một học sinh.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**2.** Anh ấy đến từ nước Mỹ.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**3.** Cảm ơn bạn rất nhiều.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**4.** Hôm nay là thứ mấy?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

### Đáp án & Thang điểm

***Exercise 1:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. B | 2. A | 3. C | 4. D |

***Exercise 2:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. C | 2. A | 3. D | 4. A | 5. C | 6. C |

***Exercise 3:***

**1.** My brother can jump very high.

**2.** What subject does he have today?

**3.** When do we have Math?

**4.** I go to primary school from Monday to Friday.

***Exercise 4:***

**1.** plays ⇒ play

**2.** do ⇒ are

**3.** are ⇒ is

**4.** in ⇒ on

***Exercise 5:***

**1.** She is a pupil.

**2.** He comes from America.

**3.** Thank you very much.

**4.** What day is it today?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

**ĐỀ 10**

**PART 1: LISTENING**

**Question 1 : Listen and match(1m)**

a. b. c. d.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 271020143973   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  | | 271020143978 | 271020143995 | 271020144011 |

**Question 2: Listen and number (1 m)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 271020143998  A  271020144017 |  | 271020144020  B  271020144026 |  | |
| C |  | D |  |

**Question 3: Listen and tick (**  **)(1m)**

1. What can you do?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 271020144016  A |  | 271020144012  B |  |

1. Do you like playing chess?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 271020144030  A |  | 271020144034  B |  |

1. Where are you from?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 271020144000A |  | B |  |

1. When is your bithday?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 271020144050  A |  | 271020144048  B |  |

**Question 4 : Listen and write the missing words or numbers (2ms)**

1. Good mornging, Peter. How are you?

Good morning, Linda. I’m very ................, thanks.

1. When’s your birthday?

It’s the second of .............................

1. Can you play chess?

No, I can’t, but I can ....................................................

1. What is your hobby?

My hobby is ............................................................

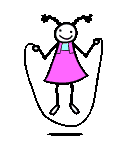
**PART 2: READING AND WRITING**

**Questions 5: Look and read. Put the tick (**  **) or cross( X ) in the box**

**(1m)**

1.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| images | I like playing badminton |  |

2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | She can ride a bike. |  |

3.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 271020144002 | He is from Australia and he is Australian. |  |

4

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 271020144045 | My hobby is drawing. |  |

**Question 6 : Look and read. Write YES or NO (1m)**

This is Peter. He is from England. He is a puile at Doan Thi Diem School. His birthday is the second of January. He can ride a bike and swim. His hobby is dancing. In his free time he goes to the music club. He is happy there.

1. He is from England. ……….
2. He like playing football. ……….
3. He can ride a bike and swim. ………..
4. He is bored there. ………..

**Question 7 : Look at the pictures and complete the sentences (1m)**

|  |  |
| --- | --- |
| 271020144013 | 1. I can s.............................................. |

|  |  |
| --- | --- |
| 271020144038 | 2. ................ can you do?  I can ride a bike. |

|  |  |
| --- | --- |
| 271020143996 | 3.Where are you from?  I am from ......................... |

|  |  |
| --- | --- |
| 271020144041 | 4. I like li.............................................. |

**Question 8: Complete the passage (1m)**

|  |
| --- |
| **can’t, Japanese, December, singing, Japan, cooking** |

My name is Akio. I am from (1)....................... I am (2).......................... I am ten years old. My birthday is in (3) .......................... I can use a computer but I (4) ................ play the piano. My hobby is (5)............ .................... and (6)...... .......................Vietnamese songs. What about you?

**PART 3. SPEAKING (1m) (5’)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Listen and repeat | 2. Point, ask and answer |
| 3. Listen and comment | 4. Interview |

***The End***

**ANSWER KEY**

**PART 1: LISTENING**

**Question 1 : Listen and match(1m)**

1- c 2-d 3-b 4-a

**Question 2: Listen and number (1 m)**

A-3 B-1 C-4 D-2

**Question 3: Listen and tick (**  **)(1m)**

1-B 2-A 3-B 4-B

**Question 4 : Listen and write the missing words or numbers (2ms)**

1. Very
2. January
3. Play football
4. reading

**PART 2: READING AND WRITING**

**Questions 5: Look and read. Put the tick (**  **) or cross( X ) in the box**

**(1m)**

1. 
2. **X**
3. 
4. x

**Question 6 : Look and read. Write YES or NO (1m)**

1.YES 2. NO 3. YES 4. NO

**Question 7 : Look at the pictures and the letters. Complete the sentences (1m)**

1. speak English
2. What
3. Japan
4. Listening to music

**Question 8: Complete the passage (1m)**

1. Japan
2. Japanese
3. December
4. can’t
5. cooking
6. singing

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

**Đề 11**

**I. Chọn từ khác loại.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. Science | B. Vietnam | C. English | D. Vietnamese |
| 2. A. Well | B. What | C. Who | D. Why |
| 3. A. map | B. photo | C. poster | D. Australia |
| 4. A. Cook | B. walk | C. Go | D. Does |
| 5. A. today | B. Monday | C. Friday | D. Thursday |

**II. Cho dạng đúng của các động từ sau**

**1.** She cannot (climb) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the wall.

**2.** When (be) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ her birthday?

**3.** I (visit) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ my grandparents yesterday.

**4.** What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ he (do) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ now?

**5.** She (play) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the guitar now.

**III. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời thích hợp ở cột B**

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. What is Mrs. Lan doing?  2. Where are you from?  3. Can your sister cook meal?  4. What is Emma’s nationality?  5. What do they have on Monday? | a, No, she cann't.  b, They have Math and PE.  c, She is English.  d, She is playing the piano.  e, I am from Hanoi, Vietnam. |

**IV. Hoàn thành hội thoại dựa vào các từ cho trước.**

**Do; name; and; sing; meet;**

Anna: Hi. I’m Anna. What’s your (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

Tom: My name is Tom. Nice to meet you.

Anna: Nice to (2)\_\_\_\_\_\_\_you, too.

Tom: What is your nationality?

Anna: I’m English. (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you?

Tom: I’m American. Can you (4) \_\_\_\_\_\_\_ any English songs?

Anna: Yes, I can. I can sing and dance. Do you like playing the piano?

Tom: Yes, I (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. I want to learn to play it.

Anna:  I can teach you.

Tom: That’s great.

**ĐÁP ÁN**

**I. Choose the odd one out.**

1 - B; 2 - A; 3 - D; 4 - D; 5 - A;

**II. Cho dạng đúng của các động từ sau**

1 - climb; 2 - is; 3 - visited; 4 - is he doing; 5 - is playing;

**III. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời thích hợp ở cột B**

1 - d; 2 - e; 3 - a; 4 - c; 5 - b;

**IV. Hoàn thành hội thoại dựa vào các từ cho trước.**

1 - name; 2 - meet; 3 - and; 4 - sing; 5 - do;

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD& ĐT**  **TRƯỜNG TIỂU HỌC…….** | **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: Tiếng Anh 4 ( Thí điểm)**  **Thời gian: 45 phút**  **(Không kể thời gian giao đề)** |

Đề 12

**I. Choose the odd one out.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. morning | B. evening | C. afternoon | D. birthday |
| 2. A. Japan | B. American | C. English | D. Vietnamese |
| 3. A. Monday | B. birthday | C. Friday | D. Tuesday |
| 4. A. second | B. third | C. five | D. fifth |
| 5. A. piano | B. badminton | C. football | C. volleyball |

**II. Read and match.**

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Nice to see you again. | a. He is from Canada. |
| 2. Can he play the piano? | b. Next Monday. |
| 3. Where is Peter from? | c. Nice to see you again, too. |
| 4. What day is it today? | d. It is Wednesday. |
| 5. When is your mother's birthday party? | e. No, he can't. |

**III. Read and answer the questions.**

Hi. I am Anna. I am from America. I am American. Today is Wednesday, the seventh of October. It's a school day. I go to school from Monday to Friday. And I do not go to school at the weekend. On Monday afternoon, I go to the English club. I go to school library on Tuesday with my best friends, Linda. On Thursday, I go swimming on Wednesday afternoon. I visit my grandparents on Saturday and Sunday.

1. What is her name?

2. When does she go to school?

3. When does she go swimming?

4. What does she do on Monday afternoon?

5. What does she do on Sunday?

**ĐÁP ÁN**

**I. Choose the odd one out.**

1 - D; 2 - A; 3 - B; 4 - C; 5 - A;

**II. Read and match.**

1 - c; 2 - e; 3 - a; 4 - d; 5 - b;

**III. Read and answer the questions.**

1 - Her name is Anna.

2 - She goes to school from Monday to Friday.

3 - She goes swimming on Wednesday afternoon.

4 - She goes to English club.

5 - She visits her grandparents.